

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/DS-PT

Ngày: 25-5-2022

“V/v tranh chấp góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Phụng

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, về “tranh chấp góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Tr bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ (tên thường gọi Loan), sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Số 384, ấp Nhựt H, xã Nhựt N, huyện Tân Tr, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Q, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu phố Bình Hòa, thị trấn Tân Tr, huyện Tân Tr, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 12 năm 2020).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 321, ấp Nhựt H, xã Nhựt N, huyện Tân Tr, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 321, ấp Nhựt H, xã Nhựt N, huyện Tân Tr, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị R là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2020 của nguyên đơn Nguyễn Thị Đ và những lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị Q như sau:

Bà Nguyễn Thị R có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Đ (tên thường gọi Loan) làm chủ. Sau khi tham chơi hụi một thời gian, bà R không đóng tiền hụi cho bà Đ nên giữa bà Đ và bà R có viết giấy nợ ngày 25/4/2020 với nội dung “Chị R thiếu (Loan) Đ 96.000.000 đồng hẹn 2 tháng trả lại”. Sau khi bà Đ và bà R chốt nợ lại với nhau, bà Đ đã bỏ tất cả giấy hụi nên không nhớ thời gian, dây hụi mà bà R tham gia. Bà Đ nhiều lần yêu cầu bà R trả số tiền hụi còn nợ 96.000.000 đồng nhưng bà R không trả.

Tại đơn khởi kiện bà Đ có yêu cầu bà R trả số tiền còn nợ 96.000.000 đồng và tiền lãi là 7.680.000 đồng. Nay bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, bà không yêu cầu tính lãi, bà yêu cầu bà R trả số tiền 96.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị R vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2021 có ý kiến trình bày như sau:

Bà có tham gia chơi hụi do bà Đ làm chủ. Bà không nhớ rõ thời gian khai hụi cũng như dây hụi có mấy kỳ, bà có tham gia 3 dây hụi (01 dây hụi 5.000.000đồng/tháng và 02 dây 2.000.000đồng/tháng). Bà đã hốt 3 dây hụi, bà không nhớ rõ số tiền đã nhận từ bà Đ giao cũng như số tiền hụi đã đóng cho bà Đ.

Tháng 10/2020, bà và bà Đ có chốt lại số tiền hụi còn nợ 96.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bà trả cho bà Đ số tiền 5.000.000đồng/tháng cho đến khi hết số nợ. Tháng 11/2020 bà có trả cho bà Đ số tiền 5.000.000 đồng. Hiện nay, bà còn nợ bà Đ 91.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền 91.000.000 đồng cho bà Đ nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang khó khăn nên bà xin trả 2.000.000đồng/tháng cho đến khi kết thúc số nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn U có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2021 có ý kiến trình bày như sau:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị R. Khoảng tháng 12/2020, ông có trả cho bà Đ số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó, khoảng 2 – 3 ngày ông có trả tiếp cho bà Đ số tiền 1.000.000 đồng.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Tr đã căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ tranh chấp góp hụi với bà Nguyễn Thị R.

Buộc bà Nguyễn Thị R phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền hụi còn nợ là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị R yêu cầu trả số tiền lãi 7.680.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị R phải chịu số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 2.400.000 đồng (hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004437 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Tr, tỉnh Long An

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 14/3/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị R kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bà cho rằng số tiền 96.000.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ 91.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả 91.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Nguyễn Thị R trình bày nội dung kháng cáo cho rằng: Sau khi hai bên chốt nợ số tiền hụi bà còn thiếu là 96.000.000 đồng thì bà có trả 5.000.000 đồng. Ông Ứng là người trực tiếp trả tiền cho bà Đ nên bà chỉ đồng ý trả 91.000.000 đồng còn thiếu và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến hết nợ vì hiện tại hoàn cảnh của bà rất khó khăn.

Ông Nguyễn Văn Ư trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà R, khi ông trả tiền cho bà Đ thì bà Đ không có viết giấy nhận tiền.

Bà Võ Thị Q là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà **Nguyễn Thị Đ** có tên thường gọi là Loan. Việc nợ tiền hụi giữa bà R và bà Đ được hai bên chốt nợ, bà R viết giấy còn nợ bà Đ 96.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ông Ứng, bà R không có trả số tiền 5.000.000 đồng như bà R trình bày, bà Đ không đồng ý cho trả dần. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị R trình bày thống nhất bà R có nợ bà Đ 96.000.000 đồng tiền hui. Bà R cho rằng sau đó có trả 5.000.000 đồng nhưng không được bà Đ thừa nhận. Bà R không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả tiền. Bà Đ không đồng ý cho trả dần, pháp luật không quy định về trả dần. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị R được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị R, thấy rằng:

[2.1] Các đương sự trình bày thống nhất bà Nguyễn Thị R có tham gia hui do bà Nguyễn Thị Đ làm thảo, nhưng không nhớ dây hui, ngày hốt hui. Bà R đã hốt hui nhưng chưa đóng đầy đủ hui chết. Hai bên chốt nợ, bà R còn nợ bà Đ số tiền 96.000.000 đồng, bà R có ký giấy nợ cho bà Đ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị R thừa nhận còn nợ hui 96.000.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng do ông Ứng là người trực tiếp trả tiền cho bà Đ, hiện chỉ còn nợ 91.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả 91.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày của bà R không được bà Đ thừa nhận. Bà R không cung cấp được chứng cứ chứng minh sau khi chốt số tiền nợ 96.000.000 đồng thì bà R, ông Ứng có trả cho bà Đ số tiền 5.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà R có nghĩa vụ trả cho bà Đ 96.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu trả dần của bà R thấy rằng: Bà R yêu cầu được trả dần nhưng không được bà Đ đồng ý, pháp luật không có quy định về trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trả dần của bà R.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà R; chấp nhận toàn bộ đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị R phải chịu 300.000 đồng án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị R.

Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Tr.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ tranh chấp góp hụi với bà Nguyễn Thị R.

Buộc bà Nguyễn Thị R phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền hụi còn nợ là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị R yêu cầu trả số tiền lãi 7.680.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị R phải chịu số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 2.400.000 đồng (hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004437 ngày 27/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Tr, tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị R phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007218 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Tr, tỉnh Long An.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Tr;
- Chi cục THA huyện Tân Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thảm Phán

Thảm phán – Chủ tọa phiên toà

Huỳnh Thị Hồng Vân